

Số: 1402/BVSN-VTTBYT
V/v: Đề nghị báo giá: Mua sắm
Hóa chất xét nghiệm vi sinh

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh, đường Huyền Quang, phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh, số điện thoại: 0222.3895.969, email: phongvt.bvsnbn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, tầng 7, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh, đường Huyền Quang, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhận qua email: phongvt.bvsnbn@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày phát hành công văn đến trước 16h30 ngày 02 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa (*Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm*).
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Kho Vật tư, tầng 8, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không tạm ứng

- Thanh toán hợp đồng: Bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên bán tại ngân hàng.

+ Điều kiện thanh toán và thời hạn thanh toán: Bên mua thanh toán cho bên bán theo từng tiến độ giao hàng. Thời hạn thanh toán là không quá 90 ngày kể từ ngày hàng hóa được giao. Hồ sơ thanh toán cho mỗi lần giao hàng gồm:

+ Biên bản nghiệm thu và bàn giao.

+ Hoá đơn tài chính (theo quy định của nhà nước).

+ Mẫu số 08a bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

+ Các tài liệu khác theo quy định hiện hành.

+ Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: là đồng Việt Nam.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng không giới hạn số lần thanh toán. Số lần thanh toán theo số lần gọi hàng của bên mua, mỗi lần giao hàng bên bán phải xuất hóa đơn tài chính cho bên mua và kèm theo các thủ tục hồ sơ thanh toán như trên.

5. Các thông tin khác (nếu có):

Đề nghị các nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo Mẫu báo giá tại Phụ lục 02 đính kèm.

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Ban Giám đốc Bệnh viện;
- Lưu VT, VTTBYT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoài Nam

Phụ lục 01
DANH MỤC ĐỀ NGHỊ LẤY BẢO GIÁ
(Kèm theo công văn: 1402/BVSN-VTTBYT ngày 19 tháng 11 năm 2024)

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Thẻ định danh Gram âm sử dụng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ gồm ≥ 47 thử nghiệm sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO	Thẻ	950
2	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Thẻ định danh Gram dương sử dụng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động để định danh các vi sinh vật Gram dương. Thẻ gồm ≥ 43 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	Thẻ	850
3	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm dùng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động để xác định độ nhạy cảm của các trực khuẩn Gram âm hiếu khí. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Thẻ	950
4	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO	Thẻ	850
5	Hóa chất kiểm tra máy đo mật độ quang của huyền dịch chứa vi sinh vật	Dùng để kiểm tra hiệu quả đo của máy đo mật độ quang của huyền dịch chứa vi sinh vật. Thành phần bộ kit: ≥ 4 tiêu chuẩn: 0.0 (trống), 0.5, 2.0 và 3.0. Đóng gói: Hộp ≥ 4 ống Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	2
6	Nước muối để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm dùng cho máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ	Nước muối 0.45%, pH từ 4.5-7. Dùng được với máy định danh và kháng sinh đồ tự động. Dung tích: chai ≥ 500 ml	Chai	40

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
7	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) cỡ khoảng 12mm x 75mm ($\pm 5\%$), dùng một lần. Sử dụng được với máy định danh và kháng sinh đồ tự động	Ống	4.000
8	Đầu côn cỡ 100 - 1000 μL	Đầu côn cỡ khoảng 100 - 1000 μL ($\pm 5\%$)	cái	1.300
9	Đầu côn cỡ 0,5 - 250 μL	Đầu côn cỡ khoảng 0,5 - 250 μL ($\pm 5\%$)	cái	1.440
10	Chai cấy máu cho trẻ em	<p>Chai môi trường phát hiện vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chai cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu vàng - Chứa $\geq 30\text{ml}$ môi trường và $\geq 1.6\text{g}$ hạt polyme hấp phụ - Thành phần: tổ hợp của peptones/biological extracts ($\geq 1.85\% \text{ w/v}$), anticoagulant ($\geq 0.083\% \text{ w/v}$), vitamins và amino acids ($\geq 0.00145\% \text{ w/v}$) nguồn carbon ($\geq 0.45\% \text{ w/v}$), trace elements ($\geq 0.0005\% \text{ w/v}$). Chai chứa khí trường N_2, O_2, và CO_2, trong chân không - Có khả năng trung hòa tối thiểu các kháng sinh: penicillins, glycylicylines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cefazolin, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones - Sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485, CE-IVD, FDA Mỹ... 	Chai	1.500
11	Bộ chuẩn máy cấy máu	Bộ dụng cụ để chuẩn máy cấy máu tự động	Bộ	1
12	Bộ nhuộm Gram	Dùng để nhuộm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm theo phương pháp nhuộm Gram. Bao	Bộ	9

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		gồm các dung dịch thuốc nhuộm thành phần là: Crystal Violet, Lugol, Decolor (alcoholacetone) và Safranin. - Đóng gói: Bộ ≥ 4 chai x 250ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485.		
13	Môi trường thạch bổ sung máu cừu	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đĩa 90mm ($\pm 5\%$). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, máu cừu, Agar, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C	Đĩa	9.200
14	Môi trường thạch Chocolate bổ sung yếu tố tăng sinh Vitox	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt là Neisseria spp. và Haemophilus. Đĩa 90mm ($\pm 5\%$). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitox, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C	Đĩa	7.900
15	Môi trường tạo màu phát hiện nhiễm khuẩn đường tiết niệu	Đĩa thạch đổ sẵn màu trắng đục chứa môi trường tạo màu được sử dụng để định danh sơ bộ và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm ($\pm 5\%$). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ± 0.2 ở 25°C ;	Đĩa	350
16	Môi trường nuôi cấy và phân biệt các loại nấm bổ sung Chloramphenicol	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập chọn lọc cho nấm men, nấm mốc. Đĩa 90mm ($\pm 5\%$). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose),	Đĩa	400

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		Chloramphenicol, Agar, pH 5.6 \pm 0.2 ở 25°C		
17	Môi trường phân lập và phân biệt các vi khuẩn Enterobacteriaceae	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Đĩa 90mm (\pm 5%). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1 \pm 0.2 ở 25°C.	Đĩa	300
18	Môi trường phân lập một số Shigella và Salmonella	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để phân lập một số Shigella và Salmonella từ các mẫu bệnh phẩm. Đĩa 90mm (\pm 5%). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Beef extract, Peptone, Lactose, Sodium thiosulphate, Amonium ferric citrate, Bile salts, Trisodium citrate, Neutral red, Agar, pH: 7.4 \pm 0.2 ở 25°C	Đĩa	350
19	Môi trường kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của Moraxella	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường dùng cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn khó mọc, thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh (EUCAST). Đĩa 90mm (\pm 5%). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Casein hydrolysate, Beef dehydrated infusion, Starch, Agar; Horse Blood; NAD; Agar; pH 7.3 \pm 0.2 ở 25°C;	Đĩa	300
20	Môi trường kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với Haemophilus	Môi trường thường dùng để kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với Haemophilus species. Đĩa 90mm (\pm 5%). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Yeast Extract, Starch, Hematin, NAD, agar, pH 7.3 \pm 0.2.	Đĩa	650
21	Môi trường lỏng tăng sinh chọn lọc cho liên	Ống nhựa chứa \geq 5ml môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để	Ống	2.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
	cầu phé cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B	tăng sinh chọn lọc cho vi khuẩn Streptococcus agalactiae (GBS). Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8±0.2 ở 25°C		
22	Môi trường tạo màu chọn lọc để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. Đĩa 90mm (±5%). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar; pH: 7.3±0.2 ở 25°C.	Đĩa	2.000
23	Môi trường nuôi cấy đa năng không chọn lọc, có thể bổ sung thêm máu	Môi trường mục đích chung phát hiện các phản ứng tan huyết đặc trưng khi môi trường được bổ sung với máu vô trùng khử fibrin. Thành phần bao gồm: Peptone mixture, Yeast extract, D-Glucose, NaCl, Agar. pH 7.3 ±0.2. Đạt tiêu chuẩn ISO	Gam	500
24	Môi trường chọn lọc cho nuôi cấy nấm bổ sung chloramphenicol	Môi trường chọn lọc cho nuôi cấy nấm men và nấm sợi từ bệnh phẩm có nhiều vi sinh vật. Thành phần bao gồm: Casein peptone (bovine), Gelatin peptone (bovine or porcine), Dextrose, Chloramphenicol, Agar, Nước tinh khiết, pH 6.2 ±0.2. Đạt tiêu chuẩn ISO	Gam	500
25	Môi trường tạo màu để xác định các tác nhân chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu	Môi trường tạo màu để xác định và định danh sơ bộ và phân biệt các vi khuẩn gây viêm đường tiết niệu. Thành phần bao gồm: Peptone, Chromogenic mix, Agar, pH 6.8 ± 0.2. Đạt tiêu chuẩn ISO	Gam	500
26	Khoanh giấy tẩm Optochin (ethylhydrocuprein hydrochloride)	- Khoanh giấy Optochin 5µg (±5%) để định danh Streptococci pneumoniae. - Khoanh giấy có đường kính 6mm (±5%). Các khoanh giấy được đánh	Khoanh	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 		
27	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm ($\pm 5\%$). Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm kháng sinh - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	Khoanh	7.000
28	Ống nghiệm thon đáy	Ống và nắp để phân tích chất hiệu chuẩn, mẫu máu kiểm soát và các mẫu có dung tích nhỏ dùng trong xét nghiệm điện di mao quản. Gồm: ống và nắp	cái	100
29	Môi trường thạch máu nuôi cấy	<p>Môi trường thạch máu là môi trường đa năng được dùng để tăng sinh các vi khuẩn gây bệnh và không gây bệnh.</p> <p>Khi không thêm chất bổ sung, có thể sử dụng để bảo quản chủng vi sinh vật trong thời gian ngắn.</p> <p>Khi bổ sung huyết thanh và yếu tố tăng trưởng, môi trường có thể được dùng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc.</p> <p>Khi bổ sung máu, môi trường có thể được dùng để xác định các phản ứng tan huyết vốn là tiêu chí chẩn đoán quan trọng cho nhiều loài vi sinh vật. Môi trường dạng bột, màu rom</p> <p>Thành phần (g/l): 'Lab-lemco' powder 10.0, Peptone Neutralised 10.0, Sodium chloride 5.0, agar 15.0 pH: 7.3 ± 0.2 Bảo quản: 10-30°C Đóng gói: $\geq 500\text{g}/\text{hộp}$ Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	8

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
30	Môi trường vận chuyển liên cầu B	<p>Ống đũa nhựa kèm tấm bông vô trùng chứa $\geq 3\text{ml}$ môi trường thạch đứng được cải tiến để kéo dài thời gian vận chuyển các mẫu bệnh phẩm, đặc biệt là mẫu bệnh phẩm cho sàng lọc liên cầu B.</p> <p>Thành phần: Charcoal pharmaceutical, Sodium chloride, Sodium hydrogen phosphate, Potassium dihydrogen phosphate, Potassium chloride, Sodium thioglycollate, Calcium chloride, Magnesium chloride, Agar, pH 7.2 + 0.2 ở 25°C</p> <p>Túi gồm: ống môi trường + tấm bông lấy mẫu vô trùng.</p>	Túi	2.000
31	Môi trường BHI	<p>Môi trường BHI được sử dụng để nhân giống cầu khuẩn gây bệnh khó tính và các sinh vật khác liên quan đến công việc cấy máu và điều tra bệnh lý liên quan.</p> <p>Thành phần: HM infusion powder, BHI powder, Proteose peptone, Dextrose (Glucose), Sodium chloride, Disodium hydrogen phosphate, pH 7.4\pm0.2 tại 25°C</p> <p>Bảo quản 10-30°C trong hộp kín và môi trường đã chuẩn bị ở 15-25°C.</p>	Gam	500
32	Thẻ kháng sinh đồ Liên cầu	<p>Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus dùng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động.</p> <p>Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh</p>	Thẻ	500
33	Môi trường sinh màu dùng để phát hiện E. coli sinh độc tố Shiga-Toxin	<p>Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu dùng để phát hiện E. coli sinh độc tố Shiga-Toxin. Đĩa 90mm ($\pm 5\%$). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.</p> <p>Thành phần: Peptones and yeast extract, Salts, Chromogenic mix,</p>	Đĩa	350

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		Selective mix, Agar, pH 6.9 ± 0.2 ở 25°C .		
34	Ống lưu giữ chủng	Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật. Mỗi ống chứa 25 hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dung dịch bảo quản lạnh ưu trương. Đạt tiêu chuẩn ISO	Ống	64
35	Chủng chuẩn <i>Enterobacter hormaechei</i>	Chủng chuẩn <i>Enterobacter hormaechei</i> ATCC 700323 TM được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$ Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
36	Chủng chuẩn <i>Stenotrophomonas maltophilia</i>	Chủng chuẩn <i>Stenotrophomonas maltophilia</i> ATCC 17666 TM được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$ Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
37	Chủng chuẩn <i>Enterococcus casseliflavus</i>	Chủng chuẩn <i>Enterococcus casseliflavus</i> ATCC 700327 TM được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$ Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
38	Chủng chuẩn <i>Staphylococcus saprophyticus</i>	Chủng chuẩn <i>Staphylococcus saprophyticus</i> ATCC BAA-750 TM được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$ Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
39	Chủng chuẩn <i>Eikenella corrodens</i>	Chủng chuẩn <i>Eikenella corrodens</i> ATCC BAA-1152 TM được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần	Que	5

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485		
40	Chủng chuẩn <i>Candida albicans</i>	Chủng chuẩn <i>Candida albicans</i> ATCC 14053™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
41	Chủng chuẩn <i>Bacteroides ovatus</i>	Chủng chuẩn <i>Bacteroides ovatus</i> ATCC BAA-1296™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
42	Chủng chuẩn <i>Clostridium septicum</i>	Chủng chuẩn <i>Clostridium septicum</i> ATCC 12464™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
43	Chủng chuẩn <i>Escherichia coli</i>	Chủng chuẩn <i>Escherichia coli</i> ATCC 25922™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
44	Chủng chuẩn <i>Klebsiella pneumoniae</i>	Chủng chuẩn <i>Klebsiella pneumoniae</i> subsp. <i>pneumoniae</i> ATCC 700603™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
45	Chủng chuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	Chủng chuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> ATCC 27853™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng	Que	5

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485		
46	Chủng chuẩn Escherichia coli	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 35218™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
47	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC 29212™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
48	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 29213™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5
49	Chủng chuẩn Streptococcus Pneumoniae	Chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC 49619™ được chứa trong một lớp gel, đóng gói độc lập, ở dạng sẵn sàng sử dụng không cần bù nước trước khi sử dụng Bảo quản: 2–8°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Que	5

Phụ lục 02
BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn: 1402/BVSN-VTTBYT ngày 19 tháng 11 năm 2024)

CÔNG TY:

Số giấy đăng ký kinh doanh:Ngày cấp:Nơi cấp:

Mã số thuế:Điện thoại.....Email:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Người liên hệ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc trưng thông số kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trước VAT	VAT (%)	Đơn giá sau VAT	Thành tiền	Mã HS
1													
2													
...													

Giá trên đã bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) và toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu... Bên Bệnh viện không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào.

Báo giá có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày báo giá.

Chất lượng hàng hóa mới 100%

Hàng hóa giao tại đơn vị sử dụng

..., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY